|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 687/QĐ-UBND | *Tuyên Quang, ngày 10 tháng 7 năm 2019* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ tại phiên họp Chính phủ kỳ tháng 9 năm 2016;

Căn cứ Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số [04/2018/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=04/2014/Q%C4%90-UBND&area=2&type=0&match=False&vc=True&org=69&lan=1) ngày 10/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý viên chức ban hành kèm theo Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 203/TTr-SNV ngày 02/7/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố *(cụ thể tại các phụ lục kèm theo)*.

Số lượng người làm việc và chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hằng năm trên cơ sở vị trí việc làm gắn với quy mô trường, lớp học và thực hiện lộ trình tinh giản biên chế theo quy định.

**Điều 2. Giao trách nhiệm:**

1. Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

a) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc sắp xếp, bố trí cơ cấu viên chức làm chuyên môn, nghiệp vụ bảo đảm tỷ lệ ít nhất 65%; hoàn thiện và phê duyệt bản mô tả công việc, khung năng lực từng vị trí việc làm đã được phê duyệt để làm căn cứ thực hiện việc tuyển dụng, quản lý và sử dụng viên chức đảm bảo đúng quy định hiện hành.

b) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh *(gửi Sở Nội vụ tổng hợp)* xem xét điều chỉnh Danh mục vị trí việc làm theo các quy định của cơ quan có thẩm quyền hoặc để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo quy định.

c) Căn cứ quy định hiện hành và yêu cầu thực tế, hằng năm Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch số lượng người làm việc, chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ trong các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện các nội dung tại Khoản 1 Điều này theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Chủ tịch UBND tỉnh;  - Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;  - Như Điều 3 (thực hiện);  - Phó Chánh VP UBND tỉnh;  - TP Nội chính; CVKGVX (Đ/c Bắc); - Lưu: VT, NC (Thg). | **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  *Đã ký*  **Nguyễn Thế Giang** |

**PHỤ LỤC 1**

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM, HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

**TỐI THIỂU TRONG CÁC TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP TRỰC**

**THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THÀNH PHỐ**

*(Kèm theo Quyết định số: 687/QĐ-UBND ngày 10 /7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên vị trí việc làm** | **Chức danh nghề nghiệp tương ứng** | **Hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu** | **Ghi chú** | |
| **1** | **Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành** |  |  |  | |
| 1.1 | Hiệu trưởng | Giáo viên mầm non | Hạng III |  | |
| 1.2 | Phó Hiệu trưởng | Giáo viên mầm non | Hạng III |  | |
| **2** | **Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp** |  |  |  | |
| 2.1 | Giáo viên | Giáo viên mầm non | Hạng IV |  | |
| **3** | **Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ** |  |  |  | |
| 3.1 | Kế toán | Kế toán viên Trung cấp | Hạng IV | Bố trí kế toán theo nội dung Văn bản số 513/UBND-NC ngày 06/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang | |
| 3.2 | Văn thư | Nhân viên |  | Kiêm nhiệm | |
| 3.3 | Y tế | Y sĩ | Hạng IV | Do cơ sở giáo dục hợp đồng hoặc thuê cơ sở khám chữa bệnh, người có đủ điều kiện theo quy định tại Nghị số 146/2018/NĐ-CP của Chính phủ | |
| 3.4 | Thủ quỹ | Nhân viên |  | Kiêm nhiệm | |
| 3.5 | Nhân viên nấu ăn |  |  | HĐ theo NĐ 68 đối với các cơ sở được giao biên chế hoặc thuê | |
| 3.6 | Bảo vệ |  |  | Thuê | |
| **PHỤ LỤC 2**  **DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM, HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**  **TỐI THIỂU TRONG CÁCTRƯỜNG TIỂU HỌC CÔNG LẬP TRỰC**  **THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THÀNH PHỐ**  *(Kèm theo Quyết định số 687 /QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)* | | | | | |
| **STT** | **Tên vị trí việc làm** | **Chức danh nghề nghiệp tương ứng** | **Hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu** | | **Ghi chú** |
| **1** | **Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành** |  |  | |  |
| 1.1 | Hiệu trưởng | Giáo viên tiểu học | Hạng III | |  |
| 1.2 | Phó Hiệu trưởng | Giáo viên tiểu học | Hạng III | |  |
| **2** | **Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp** |  |  | |  |
| 2.1 | Giáo viên dạy Văn hóa | Giáo viên tiểu học | Hạng IV | |  |
| 2.2 | Giáo viên dạy Thể dục | Giáo viên tiểu học | Hạng IV | |  |
| 2.3 | Giáo viên dạy Tiếng Anh | Giáo viên tiểu học | Hạng IV | |  |
| 2.4 | Giáo viên dạy Âm nhạc | Giáo viên tiểu học | Hạng IV | |  |
| 2.5 | Giáo viên dạy Mỹ thuật | Giáo viên tiểu học | Hạng IV | |  |
| 2.6 | Giáo viên dạy Tin học | Giáo viên tiểu học | Hạng IV | |  |
| 2.7 | Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh | Giáo viên tiểu học | Hạng IV | |  |
| **3** | **Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ** |  |  | |  |
| 3.1 | Kế toán | Kế toán viên trung cấp | Hạng IV | | Bố trí kế toán theo nội dung Văn bản số 513/UBND-NC ngày 06/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang |
| 3.2 | Văn thư | Văn thư trung cấp | Hạng IV | | Chuyên trách đối với các cơ sở được giao biên chế làm văn thư, kiêm nhiệm đối với cơ sở không được giao biên chế làm văn thư |
| 3.3 | Y tế | Y sĩ | Hạng IV | | Chuyên trách đối với các cơ sở được giao biên chế làm y tế học đường hoặc do cơ sở giáo dục hợp đồng hoặc thuê cơ sở khám chữa bệnh, người có đủ điều kiện theo quy định tại Nghị số 146/2018/NĐ-CP của Chính phủ |
| 3.4 | Thư viện, thiết bị | Nhân viên thiết bị, thí nghiệp |  | | Theo quy định đối với chức danh |
| 3.5 | Giáo vụ (áp dụng đối với trường, lớp dành cho người khuyết tật) | Nhân viên giáo vụ |  | |
| 3.6 | Hỗ trợ giáo dục khuyết tật |  |  | | Kiêm nhiệm |
| 3.7 | Công nghệ thông tin |  |  | | Kiêm nhiệm |
| 3.8 | Thủ quỹ |  |  | | Kiêm nhiệm |
| 3.9 | Bảo vệ |  |  | | Thuê |

**PHỤ LỤC 3**

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM, HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỐI THIỂU TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ; TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ; TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN NỘI TRÚ TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THÀNH PHỐ**

*(Kèm theo Quyết định số 687 /QĐ-UBND ngày 10 /7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên vị trí việc làm** | **Chức danh nghề nghiệp tương ứng** | **Hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu** | **Ghi chú** |
| **1** | **Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành** |  |  |  |
| 1.1 | Hiệu trưởng | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 1.2 | Phó Hiệu trưởng | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| **2** | **Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp** |  |  |  |
| 2.1 | Giáo viên dạy Ngữ văn, Lịch sử hoặc Văn -Sử | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 2.2 | Giáo viên dạy Sinh học, Địa lý hoặc Sinh -Địa | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 2.3 | Giáo viên dạy Toán học, Vật lý hoặc Toán-Lý | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 2.4 | Giáo viên dạy Tin học | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 2.5 | Giáo viên dạy Công nghệ | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 2.6 | Giáo viên dạy Hóa học, Sinh học hoặc Hóa-Sinh | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 2.7 | Giáo viên dạy Giáo dục công dân | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 2.8 | Giáo viên dạy Thể dục | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 2.9 | Giáo viên dạy Tiếng Anh | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 2.10 | Giáo viên dạy Âm nhạc | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 2.11 | Giáo viên dạy Mỹ Thuật | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 2.12 | Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| **3** | **Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ** |  |  |  |
| 3.1 | Kế toán | Kế toán viên trung cấp | Hạng IV | Bố trí kế toán theo nội dung Văn bản số 513/UBND-NC ngày 06/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang |
| 3.2 | Văn thư | Văn thư trung cấp | Hạng IV | Chuyên trách đối với các cơ sở được giao biên chế làm văn thư, kiêm nhiệm đối với cơ sở không được giao biên chế làm văn thư |
| 3.3 | Thư viện | Thư viện viên | Hạng IV |  |
| 3.4 | Y tế | Y sĩ | Hạng IV | Chuyên trách đối với các cơ sở được giao biên chế làm y tế học đường hoặc do cơ sở giáo dục hợp đồng hoặc thuê cơ sở khám chữa bệnh, người có đủ điều kiện theo quy định tại Nghị số 146/2018/NĐ-CP của Chính phủ |
| 3.5 | Giáo vụ (áp dụng đối với trường phổ thông dân tộc nội trú huyện và dành cho người khuyết tật) | Nhân viên giáo vụ |  | Theo quy định đối với chức danh |
| 3.6 | Thiết bị, thí nghiệm | Nhân viên thiết bị, thí nghiệp |  |
| 3.7 | Công nghệ thông tin |  |  | Kiêm nhiệm |
| 3.8 | Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật |  |  | Kiêm nhiệm |
| 3.9 | Nhân viên nấu ăn (trường nội trú, bán trú) |  |  | HĐ theo NĐ 68 đối với các cơ sở được giao biên chế hoặc thuê |
| 3.10 | Thủ quỹ |  |  | Kiêm nhiệm |
| 3.11 | Bảo vệ |  |  | Thuê |

**PHỤ LỤC 4**

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM, HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

**TỐI THIỂU TRONG CÁC TRƯỜNG LIÊN CẤP (TIỂU HỌC VÀ THCS)**

**TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

*(Kèm theo Quyết định số: 687/QĐ-UBND ngày 10 /7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên vị trí việc làm** | **Chức danh nghề nghiệp tương ứng** | **Hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu** | **Ghi chú** |
| **1** | **Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành** |  |  |  |
| 1.1 | Hiệu trưởng | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 1.2 | Phó Hiệu trưởng | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| **2** | **Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp** |  |  |  |
| 2.1 | Giáo viên dạy Văn hóa | Giáo viên tiểu học | Hạng IV |  |
| 2.2 | Giáo viên dạy Ngữ văn, Lịch sử hoặcVăn -Sử | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 2.3 | Giáo viên dạy Sinh học, Địa lý hoặc Sinh -Địa | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 2.4 | Giáo viên dạy Toán học, Vật lý hoặc Toán-Lý | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 2.5 | Giáo viên dạy Tin học | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 2.6 | Giáo viên dạy Công nghệ | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 2.7 | Giáo viên dạy Hóa học, Sinh học hoặc Hóa-Sinh | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 2.8 | Giáo viên dạy Giáo dục công dân | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 2.9 | Giáo viên dạy Thể dục | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 2.10 | Giáo viên dạy Tiếng Anh | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 2.11 | Giáo viên dạy Âm nhạc | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 2.12 | Giáo viên dạy Mỹ Thuật | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| 2.13 | Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh | Giáo viên THCS | Hạng III |  |
| **3** | **Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ** |  |  |  |
| 3.1 | Kế toán | Kế toán viên trung cấp | Hạng IV |  |
| 3.2 | Văn thư | Văn thư trung cấp | Hạng IV | Chuyên trách đối với các cơ sở được giao biên chế làm văn thư, kiêm nhiệm đối với cơ sở không được giao biên chế làm văn thư |
| 3.3 | Thư viện | Thư viện viên | Hạng IV |  |
| 3.4 | Y tế | Y sĩ | Hạng IV | Chuyên trách đối với các cơ sở được giao biên chế làm y tế học đường hoặc do cơ sở giáo dục hợp đồng hoặc thuê cơ sở khám chữa bệnh, người có đủ điều kiện theo quy định tại Nghị số 146/2018/NĐ-CP của Chính phủ |
| 3.5 | Thiết bị, thí nghiệm | Nhân viên thiết bị, thí nghiệp |  | Theo quy định đối với chức danh |
| 3.6 | Giáo vụ (áp dụng đối với trường phổ thông dân tộc nội trú huyện và dành cho người khuyết tật) | Nhân viên giáo vụ |  |
| 3.7 | Công nghệ thông tin |  |  | Kiêm nhiệm |
| 3.8 | Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật |  |  | Kiêm nhiệm |
| 3.9 | Thủ quỹ |  |  | Kiêm nhiệm |
| 3.10 | Nhân viên nấu ăn (trường nội trú, bán trú) |  |  | HĐ theo NĐ 68 đối với các cơ sở được giao biên chế hoặc thuê |
| 3.11 | Bảo vệ |  |  | Thuê |

**PHỤ LỤC 5**

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM, HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

**TỐI THIỂU TRONG CÁC TRƯỜNG LIÊN CẤP (THCS VÀ THPT) TRỰC**

**THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

*(Kèm theo Quyết định số 687 /QĐ-UBND ngày 10 /7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên vị trí việc làm** | **Chức danh nghề nghiệp tương ứng** | **Hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu** | **Ghi chú** | |
| **1** | **Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành** |  |  |  | |
| 1.1 | Hiệu trưởng | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 1.2 | Phó Hiệu trưởng | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| **2** | **Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp** |  |  |  | |
| 2.1 | Giáo viên dạy môn Ngữ văn | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.2 | Giáo viên dạy môn Lịch sử | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.3 | Giáo viên dạy môn Địa lý | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.4 | Giáo viên dạy môn Toán | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.5 | Giáo viên dạy môn Vật lý | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.6 | Giáo viên dạy môn Hóa học | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.7 | Giáo viên dạy môn Sinh học | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.8 | Giáo viên dạy môn Giáo dục công dân | Giáo viên THCS, THPT | Hạng III |  | |
| 2.9 | Giáo viên dạy môn Tiếng Anh | Giáo viên THCS, THPT | Hạng III |  | |
| 2.10 | Giáo viên dạy môn Kỹ thuật nông nghiệp | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.11 | Giáo viên dạy môn Kỹ thuật công nghiệp | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.12 | Giáo viên dạy môn Thể dục | Giáo viên THCS, THPT | Hạng III |  | |
| 2.13 | Giáo viên dạy môn Giáo dục QPAN | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.14 | Giáo viên dạy môn Tin học | Giáo viên THCS, THPT | Hạng III |  | |
| 2.15 | Giáo viên dạy Toán học, Vật lý hoặc Toán-Lý | Giáo viên THCS | Hạng III |  | |
| 2.16 | Giáo viên dạy Ngữ văn, Lịch sử hoặcVăn -Sử | Giáo viên THCS | Hạng III |  | |
| 2.17 | Giáo viên dạy Sinh học, Địa lý hoặc Sinh -Địa | Giáo viên THCS | Hạng III |  | |
| 2.18 | Giáo viên dạy Hóa học, Sinh học hoặc Hóa-Sinh | Giáo viên THCS | Hạng III |  | |
| 2.19 | Giáo viên dạy Công nghệ | Giáo viên THCS | Hạng III |  | |
| 2.20 | Giáo viên dạy Âm nhạc | Giáo viên THCS | Hạng III |  | |
| 2.21 | Giáo viên dạy Mỹ Thuật | Giáo viên THCS | Hạng III |  | |
| 2.22 | Giáo viên làm công tác Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| **3** | **Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ** |  |  |  | |
| 3.1 | Kế toán | Kế toán viên trung cấp | Hạng IV |  | |
| 3.2 | Văn thư | Văn thư trung cấp | Hạng IV | Chuyên trách đối với các cơ sở được giao biên chế làm văn thư, kiêm nhiệm đối với cơ sở không được giao biên chế làm văn thư | |
| 3.3 | Thư viện | Thư viện viên | Hạng IV |  | |
| 3.4 | Giáo vụ (áp dụng đối với trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh, trường phổ thông chuyên) | Nhân viên giáo vụ |  | Theo quy định đối với chức danh | |
| 3.5 | Thiết bị, thí nghiệm | Nhân viên thiết bị, thí nghiệp |  |
| 3.6 | Y tế | Y sĩ | Hạng IV | Chuyên trách đối với các cơ sở được giao biên chế làm y tế học đường hoặc do cơ sở giáo dục hợp đồng hoặc thuê cơ sở khám chữa bệnh, người có đủ điều kiện theo quy định tại Nghị số 146/2018/NĐ-CP của Chính phủ | |
| 3.7 | Công nghệ thông tin | Chuyên viên | Hạng III | Kiêm nhiệm | |
| 3.8 | Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật |  |  | Kiêm nhiệm | |
| 3.9 | Thủ quỹ |  |  | Kiêm nhiệm | |
| 3.10 | Nhân viên vệ sinh (trường phổ thông dân tộc nội trú) |  |  | Kiêm nhiệm | |
| 3.11 | Nhân viên nấu ăn (trường phổ thông dân tộc nội trú) |  |  | HĐ theo NĐ 68 đối với các cơ sở được giao biên chế hoặc thuê | |
| 3.12 | Bảo vệ |  |  | Thuê | |
| **PHỤ LỤC 6**  **DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM, HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**  **TỐI THIỂU TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG; TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH; TRƯỜNG TRUNG HỌCPHỔ THÔNG CHUYÊN**  **TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  *(Kèm theo Quyết định số: 687/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)* | | | | | |
| **STT** | **Tên vị trí việc làm** | **Chức danh nghề nghiệp tương ứng** | **Hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu** | **Ghi chú** | |
| **1** | **Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành** |  |  |  | |
| 1.1 | Hiệu trưởng | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 1.2 | Phó Hiệu trưởng | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| **2** | **Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp** |  |  |  | |
| 2.1 | Giáo viên dạy môn Ngữ văn | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.2 | Giáo viên dạy môn Lịch sử | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.3 | Giáo viên dạy môn Địa lý | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.4 | Giáo viên dạy môn Toán | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.5 | Giáo viên dạy môn Vật lý | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.6 | Giáo viên dạy môn Hóa học | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.7 | Giáo viên dạy môn Sinh học | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.8 | Giáo viên dạy môn Giáo dục công dân | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.9 | Giáo viên dạy môn Tiếng Anh | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.10 | Giáo viên dạy môn Kỹ thuật nông nghiệp | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.11 | Giáo viên dạy môn Kỹ thuật công nghiệp | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.12 | Giáo viên dạy môn Thể dục | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.13 | Giáo viên dạy môn Giáo dục QPAN | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.14 | Giáo viên dạy môn Tin học | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| 2.15 | Giáo viên làm công tác Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh | Giáo viên THPT | Hạng III |  | |
| **3** | **Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ** |  |  |  | |
| 3.1 | Kế toán | Kế toán viên trung cấp | Hạng IV |  | |
| 3.2 | Văn thư | Văn thư trung cấp | Hạng IV | Chuyên trách đối với các cơ sở được giao biên chế làm văn thư, kiêm nhiệm đối với cơ sở không được giao biên chế làm văn thư | |
| 3.3 | Công nghệ thông tin | Chuyên viên | Hạng III |  | |
| 3.4 | Thư viện | Thư viện viên | Hạng IV |  | |
| 3.5 | Y tế | Y sĩ | Hạng IV | Chuyên trách đối với các cơ sở được giao biên chế làm y tế học đường hoặc do cơ sở giáo dục hợp đồng hoặc thuê cơ sở khám chữa bệnh, người có đủ điều kiện theo quy định tại Nghị số 146/2018/NĐ-CP của Chính phủ | |
| 3.6 | Thiết bị, thí nghiệm | Nhân viên thiết bị, thí nghiệp |  | Theo quy định đối với chức danh | |
| 3.7 | Giáo vụ (áp dụng đối với trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh, trường phổ thông chuyên) | Nhân viên giáo vụ |  |
| 3.8 | Thủ quỹ |  |  | Kiêm nhiệm | |
| 3.9 | Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật |  |  | Kiêm nhiệm | |
| 3.10 | Nhân viên điện nước (trường phổ thông dân tộc nội trú) |  |  | HĐ theo NĐ 68 đối với các cơ sở được giao biên chế hoặc thuê | |
| 3.11 | Nhân viên nấu ăn (trường phổ thông dân tộc nội trú) |  |  | HĐ theo NĐ 68 đối với các cơ sở được giao biên chế hoặc thuê | |
| 3.12 | Bảo vệ |  |  | Thuê | |
| **PHỤ LỤC 7**  **DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM, HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỐI THIỂU CỦA TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN-HƯỚNG NGHIỆP TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | | | | |
| *(Kèm theo Quyết định số: 687/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)* | | | | |
|  |  |  |  |  |
| **STT** | **Tên vị trí việc làm** | **Chức danh nghề nghiệp tương ứng** | **Hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu** | **Ghi chú** |
| **1** | **Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành** |  |  |  |
| 1.1 | Giám đốc | Chuyên viên hoặc tương đương | Hạng III |  |
| 1.2 | Phó Giám đốc | Chuyên viên hoặc tương đương | Hạng III |  |
| 1.3 | Trưởng phòng | Chuyên viên hoặc tương đương | Hạng III |  |
| 1.4 | Phó Trưởng phòng | Chuyên viên hoặc tương đương | Hạng III |  |
| **2** | **Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp** |  |  |  |
| **\*** | **Giáo viên làm công tác Hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông** |  |  |  |
| 2.1 | Giáo viên dạy môn Điện dân dụng | Giáo viên giáo dục nghề nghiệp | Hạng III |  |
| 2.2 | Giáo viên dạy môn Tin học văn phòng | Giáo viên giáo dục nghề nghiệp | Hạng III |  |
| 2.3 | Giáo viên dạy môn Nấu ăn | Giáo viên giáo dục nghề nghiệp | Hạng III |  |
| 2.4 | Giáo viên dạy môn May dân dụng | Giáo viên giáo dục nghề nghiệp | Hạng III |  |
| 2.5 | Giáo viên dạy môn Sửa chữa xe máy | Giáo viên giáo dục nghề nghiệp | Hạng III |  |
| 2.6 | Giáo viên dạy môn Làm vườn | Giáo viên giáo dục nghề nghiệp | Hạng III |  |
| **\*** | **Giáo viên làm dạy bổ túc văn hóa bậc THPT** |  |  |  |
| 2.7 | Giáo viên dạy môn Ngữ văn | Giáo viên THPT | Hạng III |  |
| 2.8 | Giáo viên dạy môn Toán | Giáo viên THPT | Hạng III |  |
| 2.9 | Giáo viên dạy môn Vật lý | Giáo viên THPT | Hạng III |  |
| 2.10 | Giáo viên dạy môn Hóa học | Giáo viên THPT | Hạng III |  |
| 2.11 | Giáo viên dạy môn Sinh học | Giáo viên THPT | Hạng III |  |
| 2.12 | Giáo viên dạy môn Lịch sử | Giáo viên THPT | Hạng III |  |
| 2.13 | Giáo viên dạy môn Địa lý | Giáo viên THPT | Hạng III |  |
| 2.14 | Giáo viên làm công tác Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh | Giáo viên THPT | Hạng III |  |
| **3** | **Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ** |  |  |  |
| 3.1 | Kế toán | Kê toán viên trung cấp | Hạng IV |  |
| 3.2 | Văn thư | Văn thư trung cấp | Hạng IV |  |
| 3.3 | Công nghệ thông tin | Chuyên viên | Hạng III | Kiêm nhiệm |
| 3.4 | Thư viện | Thư viện viên | Hạng IV | Kiêm nhiệm |
| 3.5 | Hành chính tổng hợp | Chuyên viên | Hạng III |  |
| 3.6 | Y tế | Y sĩ | Hạng IV | Do cơ sở giáo dục hợp đồng hoặc thuê cơ sở khám chữa bệnh, người có đủ điều kiện theo quy định tại Nghị số 146/2018/NĐ-CP của Chính phủ |
| 3.7 | Thiết bị, thí nghiệm | Nhân viên thiết bị, thí nghiệp |  | Theo quy định đối với chức danh |
| 3.8 | Thủ quỹ |  |  | Kiêm nhiệm |
| 3.9 | Lái xe |  |  |  |
| 3.10 | Bảo vệ |  |  | Thuê |